

訂正Rev	日付	記	事	担当	加工公差表示			
					0.0000	±0.002	0.000	$\begin{smallmatrix} +0 \\ -0.005 \end{smallmatrix}$
					0.000	±0.005	0.000	$\begin{smallmatrix} +0.005 \\ -0 \end{smallmatrix}$
					0.00	±0.01	0.00	$\begin{smallmatrix} +0 \\ -0.01 \end{smallmatrix}$
					0.0	±0.1	0.00	$\begin{smallmatrix} +0.01 \\ -0 \end{smallmatrix}$
					0	±0.2	0.0	$\begin{smallmatrix} +0 \\ -0.1 \end{smallmatrix}$
							0.0	$\begin{smallmatrix} +0.1 \\ -0 \end{smallmatrix}$

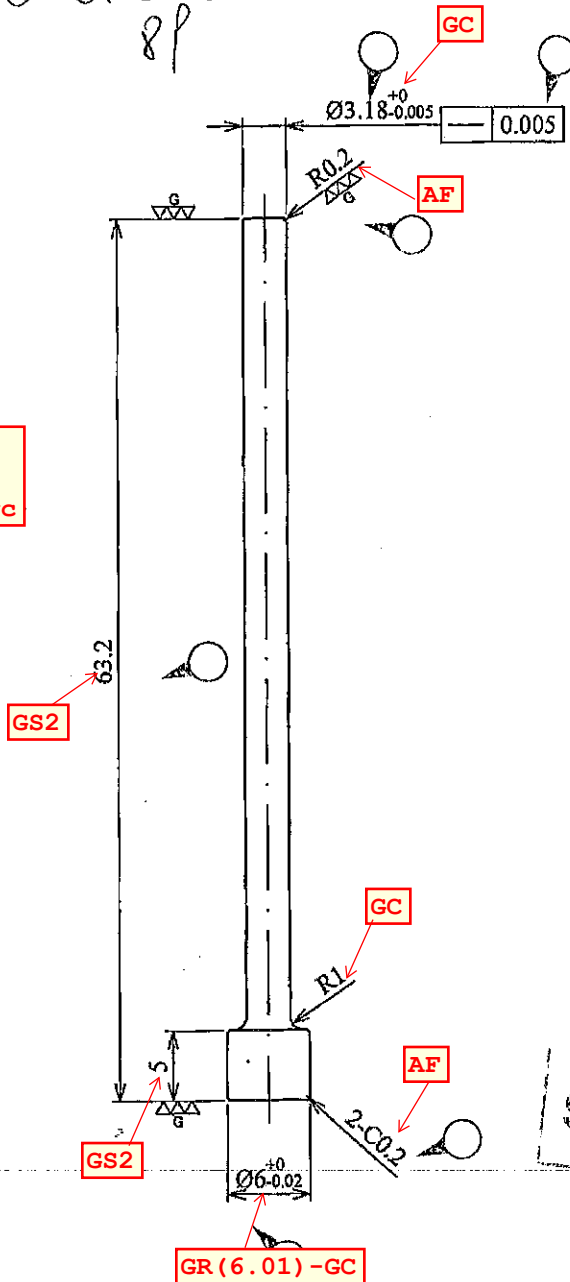
公差表示力に有る場合はそれを優先する事。

出図  
製作・検収用図面  
検収完了後要廃棄  
2023-06-15  
VDM 生産支援課




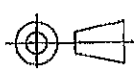
213. 306. 102A  
8P

G  
▽▽▽

GS1=> cắt mài Ø6.3\*75  
GR =>Ø6.01\*75=>ok  
GC=>lăn xuyên qua trước khi gc



加工順	工程
01	
02	
03	
04	
05	
06	
07	
08	
09	
10	
11	
12	

部 品 名		材 質		数 量		設 備		名 称	
KIM ĐỖ TRỤC		SKH-51		01		鉄芯(D/G)			
熱 処 理	表 面 処 理		検 図	設 計	製 図	日 付	共 通 部 品 番 号		
HRC: 60~64					VU 10118	2013/08	12		
	尺 度	図 面 番 号	DK - AB 5906C60 041 - A					訂正Rev	

SNO: <b>S906560</b>	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: <b>5 PCS</b>	
NGƯỜI THIẾT LẬP: <b>10197</b>	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKH51</b> <b>Ø6.3*80</b>	GS:15 GR:30 GC:90 GS2:15 AF:5 KT